

MỘT SỐ VẤN ĐỀ DO LỊCH SỬ ĐỂ LẠI TRONG QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC ĐÔNG Á VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP KHU VỰC ĐÔNG Á

ĐỖ THANH BÌNH*

Những vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ giữa các nước Đông Á thực ra cũng đã được bàn đến ở khá nhiều phương diện, khía cạnh và quan điểm khác nhau. Một số vấn đề có lúc đã trở thành câu chuyện thời sự hàng ngày hết sức nóng hổi... Song, tựu trung lại theo chúng tôi có hai vấn đề quan trọng nhất bắt rễ từ trong quá khứ, cho đến bây giờ vẫn chưa được giải quyết và hiện đang chi phối, ảnh hưởng rất lớn đến tiến trình liên kết khu vực Đông Á. Thứ nhất, đó là vấn đề liên quan đến Nhật Bản với khoảng cách vẫn tồn tại trong quan hệ của nước này với các nước Đông Á khác và thứ hai là vấn đề tranh chấp lãnh thổ biên giới giữa các nước.

1. Khoảng cách giữa Nhật Bản và Đông Á vẫn tồn tại

Nếu chỉ xét đơn thuần theo hình thức của việc hội nhập, liên kết khu vực là sự

xuất hiện một tổ chức bao gồm nhiều quốc gia có chung biên giới lãnh thổ và nhiều điều kiện tương tự nhau về địa lý, lịch sử, văn hoá thì người Nhật dường như có ý tưởng và hành động tiên phong đối với công cuộc hội nhập ở Đông Á. Điều đó được thể hiện thông qua học thuyết Đại Đông Á với nội dung trọng tâm là thiết lập "Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á" mà Nhật Bản đã đề ra và ráo riết thực hiện trong suốt thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy nhiên, kiểu hội nhập, liên kết dưới hình thức này về thực chất đã dành cho Nhật Bản quyền bá chủ tuyệt đối trên mọi phương diện và Nhật Bản cũng tích cực thúc đẩy tiến trình liên kết bằng những biện pháp xâm lược, cưỡng chế vô cùng tàn bạo. Chính vì vậy, "Khu vực thịnh vượng chung Đại Đông Á" không bao giờ là sự lựa chọn cho quá trình liên kết, hội nhập khu vực của các quốc gia Đông Á. Sự thất bại của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản trong Chiến tranh thế

* GS.TS Đỗ Thanh Bình, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

giới thứ hai cũng đồng thời đánh dấu sự thất bại đầu tiên của Nhật Bản trong nỗ lực giành quyền lãnh đạo ở Đông Á.

Trong thời kì sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhất là lúc đang ở tình cảnh "bị mồ côi ở châu Á", Nhật Bản hầu như tập trung vào công việc phát triển kinh tế, rất ít quan tâm, thậm chí không hề dấn động đến vấn đề liên kết khu vực. Chỉ đến khi đã giành được vị trí đáng kể trong nền kinh tế thế giới (hiện nay là thứ hai thế giới sau Mỹ), xuất phát từ nhu cầu nội tại của bản thân nền kinh tế Nhật Bản và khao khát vươn lên thành một cường quốc chính trị cũng như nắm bắt được tính tất yếu của xu thế hội nhập, Nhật Bản bắt đầu có những lời nói và hành động tích cực, rõ nét để thúc đẩy tiến trình hội nhập khu vực Đông Á, từ chỗ còn dè dặt đến chỗ mạnh dạn, chủ động hơn. Tuy nhiên, một thực tế nan giải luôn đặt ra đối với Nhật Bản đó là làm thế nào để giải quyết những vấn đề lịch sử còn tồn tại trong mối quan hệ giữa Nhật Bản và các nước Đông Á, chủ yếu là xuất phát từ những hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai. Cũng cùng phe phát xít nhưng các nước Đức, Italia đã dần tìm ra được đường hướng giải quyết ổn thoả vấn đề Chiến tranh thế giới thứ hai với các nước liên quan, tìm được nơi "hạ cánh an toàn" cho quá khứ lịch sử ngang trái, đau thương và hội nhập nhanh chóng cùng châu Âu, đồng thời giành được vị trí đáng kể trong khu vực. Trong khi đó, Nhật Bản vẫn chưa giải quyết thoả đáng những hậu quả của quá khứ và chính bản thân nó cũng chưa có được một lối tư duy thống nhất, rõ ràng cho việc nhận thức quá khứ lịch sử. Điều đó cùng với môi trường an ninh quốc tế, khu vực ngày một phức tạp càng khiến

cho Nhật Bản nhiều lúc phải đứng trước những tình thế hết sức bất lợi. Những lời nói, việc làm cũng như những đóng góp của Nhật Bản đối với khu vực luôn luôn được các quốc gia Đông Á khác tiếp nhận trong tư thế, tâm trạng có phần dè dặt, dò xét, e ngại. Dường như đối với Nhật Bản và Đông Á, quá khứ vẫn chưa có dấu hiệu "ngủ yên".

1.1. Nhật Bản: Quá khứ chưa ngủ yên

Từ cuối thế kỉ XIX, Nhật Bản đã được biết đến như một quốc gia châu Á thức thời nhất, biết phản ứng mau lẹ trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây bằng cách thực thi công cuộc Minh Trị duy tân, đưa đất nước chẳng những đuổi kịp tiến trình cận đại hoá mà còn nhanh chóng gia nhập vào hàng ngũ các cường quốc thế giới. Trong quá trình này, để thực hiện mục tiêu phát triển đầy tham vọng của mình, Nhật Bản đã ráo riết theo đuổi quá trình "thoát Á nhập Âu" với phương châm: "học tập phương Tây, đuổi kịp phương Tây, vượt qua phương Tây", đồng thời cũng không từ một thủ đoạn nào đối với các nước châu Á khác, kể cả việc xâm phạm, chà đạp lên chủ quyền của họ. Song song với quá trình Nhật Bản cận đại hoá, vươn lên địa vị cường quốc, người ta được chứng kiến hàng loạt những cuộc chiến tranh xâm lược, bóc lột của người Nhật đối với Trung Quốc, Triều Tiên và sau đó mở rộng xuống các quốc gia Đông Nam Á trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Những hành động bành trướng tàn bạo của Nhật Bản đã ghi một dấu ấn vô cùng sâu sắc trong tâm tưởng của người dân Đông Á đến nỗi thời gian hơn 60 năm trôi qua cũng không thể xoa dịu được.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, mặc dù là nước bại trận, song bằng

những nỗ lực ngoại giao khôn khéo, cuối cùng dựa trên cơ sở lợi dụng mâu thuẫn giữa Liên Xô và Mĩ, Anh, Nhật Bản đã giành được sự ủng hộ ngầm của Mĩ, Anh trong vấn đề duy trì chế độ Thiên hoàng (mặc dù có rất nhiều ý kiến cho rằng chính thể chế Thiên hoàng là điều kiện cho chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản tồn tại, phát triển). Một điểm đặc biệt nữa ở Nhật Bản so với các nước thuộc phe phát xít khác, đó là Hoà ước dành cho Nhật Bản không được kí kết ngay sau Chiến tranh thế giới thứ hai mà phải chờ đến tháng 9 - 1951. Lúc này, sau một thời gian tái thiết đất nước với sự cố vấn, giúp đỡ tích cực của người Mĩ - đại diện quân đội Đồng minh chiếm đóng đất Nhật, Nhật Bản lại bắt đầu một quá trình phát triển theo khuynh hướng "thoát Á, nhập Mĩ" dưới quyền bảo trợ từ phía Mĩ. Và do vậy, ngày 8 - 9 - 1951, tại San Francisco, cùng lúc bản hoà ước riêng rẽ với Nhật được một số nước Đồng minh kí kết, một Hiệp ước an ninh Nhật - Mĩ cũng được ra đời, từ đó trở đi đặt nền tảng cho mọi chính sách về chính trị - an ninh của Nhật Bản. Về mặt nội dung của bản Hoà ước chiến tranh 1951 dành cho Nhật, chúng ta có thể nhận thấy những điều khoản dường như nhẹ nhàng, khoan dung hơn nhiều nếu so sánh với những Hoà ước tương tự dành cho Đức hay Italia. Điều đó biểu hiện ở chỗ không có điều khoản qui định ngăn chặn chủ nghĩa quân phiệt Nhật phục hồi, mức độ xây dựng lực lượng vũ trang của Nhật không bị hạn chế và Nhật được phép có quyền kí kết các hiệp định liên minh quân sự (việc Nhật kí hiệp ước an ninh với Mĩ là ví dụ). Về việc bồi thường chiến tranh, điều 14 của bản Hiệp ước cũng qui định Nhật phải bồi thường cho những nước bị tai hoạ chiến tranh do

Nhật gây ra, nhưng Nhật sẽ mở cuộc thương lượng trực tiếp sau này với các nước đó, vì trong tình hình hiện nay Nhật không thể bồi thường đầy đủ được... Rõ ràng, trước sự thao túng của Mĩ đối với vấn đề Nhật Bản, một tình hình tất yếu diễn ra đó là bản Hoà ước không có sự tham gia kí kết của Liên Xô (phản đối mưu đồ của Mĩ), Trung Quốc (không được mời tham gia hội nghị) và nhiều nước Đồng minh tiến bộ khác. Chính tình hình này đã dẫn đến thực trạng là nhiều vấn đề liên quan đến quá khứ trong mối quan hệ giữa Nhật Bản và các nước Đồng minh nói chung, các nước Đông Á nói riêng vẫn còn tồn tại ở dạng nghi án, chưa được giải quyết triệt để. Việc say sưa phát triển và đạt được những thành tựu *thần kì* về kinh tế, đồng thời sự bảo trợ chính trị an ninh của Mĩ càng khiến cho cơ hội nhìn nhận lại đó của người Nhật trở nên mờ nhạt, ít được quan tâm... Bằng biện pháp ngoại giao kinh tế, Nhật Bản thực hiện sự *trở lại châu Á* trong khi vẫn né tránh vấn đề lịch sử. Nhưng dường như họ đang rơi vào tình thế là càng né tránh thì những vấn đề lịch sử lại càng trở nên nổi cộm hơn.

Trong khi chưa trả lời thoả đáng về những hành động trong Chiến tranh thế giới thứ hai, thời gian gần đây Nhật Bản liên tục gây sốc cho các nước Đông Á thông qua việc phát hành bộ sách giáo khoa lịch sử không nói đúng sự thật về những gì Nhật Bản đã làm trong thế chiến và việc các quan chức lãnh đạo cấp cao của Nhật Bản viếng thăm ngôi đền Yasukuni, nơi có thờ một số tội phạm chiến tranh phát xít. Phía Nhật cho rằng không nhất thiết phải đưa hết tội lỗi mà quân phiệt Nhật đã gây ra trong Chiến tranh thế giới thứ hai vào sách giáo khoa

vì điều đó thuộc về quá khứ đen tối, đau thương và không đem lại tác dụng giáo dục lòng tự tôn dân tộc cho học sinh Nhật. Còn việc thăm đền Yasukuni, theo giới lãnh đạo Nhật Bản là thuộc về vấn đề tín ngưỡng văn hoá của mỗi quốc gia, nhằm mục đích tưởng niệm 2,5 triệu người Nhật là nạn nhân trong Chiến tranh thế giới thứ hai chứ không phải để tiếc thương những tội phạm chiến tranh... Trước sức ép của dư luận nhân dân các nước trong khu vực, nhất là ở Trung Quốc và Hàn Quốc, chính quyền Nhật Bản đã có những nhượng bộ nhất định trong vấn đề sách giáo khoa lịch sử và vấn đề này dần lắng dịu xuống.

Bên cạnh vấn đề sách giáo khoa lịch sử vấn đề đền Yasukuni, hiện nay Nhật Bản còn đứng trước một thách thức trở ngại khác chưa được giải quyết, đó là sự phụ thuộc quá lớn của Nhật Bản vào liên minh Nhật - Mĩ. Liên minh này được bắt đầu từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, chính thức từ năm 1951. Mặc dù mối quan hệ liên minh Mĩ - Nhật cũng trải qua một số thăng trầm, song chính người Nhật cũng phải thừa nhận rằng nhờ có nó, nước Nhật mới nhanh chóng đứng lên từ đống đổ nát của chiến tranh và có được những cơ hội để phát triển mạnh mẽ. Dưới cái ô bảo trợ về chính trị an ninh của Mĩ, suốt thời kì chiến tranh lạnh, Nhật Bản hầu như không phải ra mặt giải quyết những mối quan hệ quốc tế phức tạp. Do vậy, trong con mắt của các quốc gia Đông Á, nhất là ở những giai đoạn mà tâm lí chống Mĩ ở khu vực này dâng cao, Nhật Bản giống như một cái đuôi gắn với Mĩ như hình với bóng. Người ta nghi ngờ tính độc lập của Nhật Bản trong lĩnh vực ngoại giao. Nhật Bản đã là một người khổng lồ về kinh tế,

nhưng vẫn chỉ được xem là "một chú lùn" về chính trị...

Nhận thức rõ điều đó, Nhật Bản đã đề ra chiến lược và ra sức thực hiện việc giảm dần sự lệ thuộc vào Mĩ, cố gắng giành lấy sự bình đẳng hơn trong đồng minh Mĩ - Nhật. Mới đây hai nước Mĩ - Nhật đã kí hiệp định định nghĩa lại liên minh Mĩ - Nhật. Điều đó vừa khẳng định kết quả bước đầu từ những cố gắng vươn lên bình đẳng của Nhật, đồng thời cũng vừa tỏ rõ rằng Nhật Bản vẫn chưa từ bỏ hoàn toàn chỗ dựa Mĩ và mối quan hệ với Mĩ vẫn giành được sự quan tâm hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản. Đối với người Nhật, khi mà tiến trình liên kết khu vực Đông Á chưa có dấu hiệu sáng sủa và việc người Nhật giành quyền lãnh đạo châu Á không có nhiều triển vọng thì trên con đường giành chiếc ghế uỷ viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc, phấn đấu trở thành cường quốc chính trị, Nhật Bản không thể không có người bạn đồng minh Mĩ. Có thể nói rằng mối quan hệ liên minh Mĩ - Nhật đã có một quá trình lịch sử lâu dài và đang được xây dựng lại trên những cơ sở mới, bình đẳng hơn cho Nhật. Nhưng rõ ràng, đối với Nhật Bản, việc thoát khỏi cái bóng của người anh cả Mĩ về chính trị, an ninh còn rất nhiều khó khăn, phức tạp. Điều này cũng đồng nghĩa với việc là các nước Đông Á vẫn tiếp tục bàn luận về tính độc lập của Nhật Bản trong ngoại giao với Mĩ.

Như vậy, cho đến nay, Nhật Bản vẫn chưa tìm ra phương cách giải quyết thoả đáng những vấn đề lịch sử đang tồn tại. Thêm vào đó, Nhật Bản ngày càng bộc lộ rõ và ra sức hiện thực hoá tham vọng trở thành một cường quốc chính trị, thậm chí cũng không che giấu ý đồ lãnh đạo châu

Á. Tình hình này khiến cho mối quan hệ giữa nước Nhật và các nước Đông Á khác, nhất là Trung Quốc và Hàn Quốc trở nên rắc rối. Rõ ràng sự tự tin vào sức mạnh tuyệt đối của chiến lược ngoại giao kinh tế và có Mĩ là chỗ dựa về chính trị, an ninh đã khiến cho Nhật Bản không thực sự quan tâm đầy đủ đến vấn đề lịch sử. Giờ đây, khi bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, nhất là khi không tìm ra lối thoát cho quan hệ với các nước Đông Á, nhận thức của Nhật Bản đã được điều chỉnh. Người ta có thể thấy rõ những thay đổi này thông qua những diễn biến đầu tiên của chiến dịch tranh cử chức Thủ tướng thời kì *hậu Koizumi* (từ tháng 9 - 2006) với một trong những nội dung trọng tâm là xem xét, cải thiện mối quan hệ với hai nước láng giềng Trung Quốc và Hàn Quốc.

1.2. Tâm lí nghi ngại Nhật Bản ở Đông Á

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, khi Nhật Bản là quốc gia châu Á duy nhất thoát khỏi số phận thuộc địa và vươn lên sánh ngang với các nước tư bản Âu - Mĩ, nó đã thực sự trở thành một tấm gương sáng chói, một địa chỉ tin cậy để gửi gắm niềm hi vọng được giúp đỡ của các quốc gia châu Á. Tuy nhiên, nhân dân châu Á đã nhanh chóng phải nhận lấy niềm thất vọng ê chề. Song song với quá trình vươn lên trở thành cường quốc tư bản thế giới, Nhật Bản đã ráo riết thực thi một quá trình xâm lược bành trướng thuộc địa khốc liệt, tàn bạo ở châu Á không kém gì tư bản phương Tây. Đặc biệt trong Chiến tranh thế giới thứ hai, với tham vọng bá chủ châu Á, bá chủ toàn cầu, quân phiệt Nhật đã đặt ách cai trị lên hầu hết các nước Đông Á và tự đảm nhận vai trò minh chủ của cái gọi là "*Khu vực thịnh vượng*

chung Đại Đông Á"... Đối với các nước Đông Á, nỗi thất vọng to lớn về người anh cả da vàng, cộng với việc gánh chịu những hành động cai trị tàn bạo của quân đội Nhật đã để lại dấu ấn căm phẫn quá sâu sắc trong lòng nhân dân các nước này. Dấu ấn đó đã góp phần tạo nên một tâm lí chung ở Đông Á khi quan hệ với Nhật Bản; đó là tâm lí nghi ngại.

Trung Quốc, Hàn Quốc, hai nước láng giềng, đồng thời cũng là nạn nhân trực tiếp và lâu dài nhất của quân phiệt Nhật, chính là các nước đòi hỏi quyết liệt nhất việc Nhật Bản phải nhận thức thực sự đúng đắn, đầy đủ về lịch sử, đưa ra lời xin lỗi công khai và có những hành động đúng mực, thích đáng hơn trong quan hệ quốc tế. Dự luận hai nước này phản ứng rất dữ dội đối với vấn đề sách giáo khoa lịch sử, việc viếng thăm đền Yasukuni của Thủ tướng Nhật Bản... Trung Quốc trước năm 1945 luôn được quân phiệt Nhật chọn là mục tiêu xâm lược, bành trướng có ý nghĩa chiến lược quan trọng hàng đầu. Và mâu thuẫn Trung - Nhật đã bùng nổ ngay từ khi Nhật Bản có mưu đồ vươn lên sánh ngang cùng tư bản Âu - Mĩ. Từ chỗ là nước "*thiên triều*" với nền văn minh rực rỡ có ảnh hưởng lớn đến hầu khắp các khu vực trong đó có Nhật Bản, Trung Quốc dần bị rơi vào tình thế bị Nhật chèn ép và chiếm đóng trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Đối với người Trung Quốc, đó là một thời kỳ lịch sử vô cùng tủi nhục, lòng tự tôn dân tộc bị tổn thương nghiêm trọng. Điều đó tất yếu dẫn đến những nỗ lực hiện nay từ phía Trung Quốc nhằm ngăn cản quá trình Nhật Bản vươn lên thành một cường quốc chính trị, tham gia vào Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc cũng như giành những lợi thế trong việc lãnh đạo tiến trình hội

nhập Đông Á. Và vấn đề lịch sử chính là phương tiện rất hữu hiệu để Trung Quốc gây sức ép đối với Nhật Bản.

Về phía Hàn Quốc, so với Trung Quốc, ấn tượng của người dân Hàn Quốc nói riêng, dân tộc Triều Tiên nói chung về thời kì quân đội Nhật chiếm đóng bán đảo Triều Tiên cũng không kém phần sâu đậm. Bởi Triều Tiên trước đây (bao gồm Hàn Quốc và Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên ngày nay) là thuộc địa đồng thời là căn cứ chiến lược quan trọng nhất, tồn tại đến giây phút cuối cùng của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản. Tất nhiên với thân phận là thuộc địa trực tiếp, bán đảo Triều Tiên đã phải gánh chịu tất cả mọi nỗi thống khổ, tủi nhục do quân đội Nhật Bản gây ra. Văn hoá dân tộc bị bóp nghẹt, nhân phẩm bị chà đạp, nhân tài vật lực của đất nước bị bóc lột, vợ vét đến cùng cực... Ngày nay, tuy Chiến tranh thế giới thứ hai đã lùi xa vào quá khứ hơn 60 năm, nhưng trước thái độ lừng khừng của Nhật Bản trong việc giải quyết vấn đề lịch sử, những tranh chấp lợi ích giữa hai nước cùng với việc giải quyết vấn đề hạt nhân ở Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên mà Nhật Bản muốn thông qua đó để nâng cao ảnh hưởng chính trị của mình, thì dư luận Hàn Quốc đã bày tỏ thái độ chỉ trích vô cùng gay gắt. Quan hệ Nhật - Hàn vì thế cũng ngày một lạnh nhạt.

Đối với các quốc gia Đông Nam Á, thái độ đối với Nhật Bản cũng có phần dè dặt, nghi ngại nhưng xem ra đỡ căng thẳng hơn. Có người cho rằng đó là do khoảng cách địa lí xa hơn, không bị chi phối bởi những tranh chấp mà các nước láng giềng thường gặp và do thời gian chiếm đóng của quân phiệt Nhật ở nơi đây tương đối ngắn. Song cũng có ý kiến lại khẳng định

thái độ ít căng thẳng này chính là kết quả của chính sách ngoại giao kinh tế khá thành công mà Nhật Bản dành cho khu vực Đông Nam Á, có lẽ những khoản viện trợ ODA, những dự án đầu tư, thái độ mềm mỏng biết điều trong kinh doanh của người Nhật đã góp phần xoa dịu mâu thuẫn quá khứ... Mặc dù vậy, chúng ta không thể không nhận thấy rằng tâm lý nghi ngại Nhật Bản vẫn thường trực ở các nước Đông Nam Á. Trước vai trò đang nổi lên của phái hữu ở Nhật Bản, Đông Nam Á cũng chia sẻ cùng Trung Quốc và Hàn Quốc nỗi lo sợ về sự phục hồi chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản, thứ chủ nghĩa đã tác oai tác quái một thời ở Đông Á và theo nhiều người đánh giá thì mầm mống, gốc rễ của nó vẫn tồn tại ở Nhật Bản. Ngoài ra, mâu thuẫn Trung - Nhật cũng buộc Đông Nam Á phải cư xử thận trọng hơn đối với Nhật Bản bởi cả Trung Quốc và Nhật Bản đang là những bạn hàng lớn, đầy triển vọng của ASEAN.

Có thể nói rằng những gì quân đội Nhật Bản đã làm trong thời kỳ "*để quốc mặt trời*" để lại hậu quả quá to lớn khiến thời gian cũng không xoá mờ được hết. Thêm vào đó, vai trò của Mĩ và sự tự tin vào sức mạnh kinh tế cũng như ảnh hưởng từ nhận thức cực đoan của phái hữu trong nước đã khiến Nhật Bản chưa thể giải quyết triệt để, thoả đáng vấn đề lịch sử. Dấu ấn nặng nề của quá khứ vẫn tồn tại như một *hòn đá cản đường* tạo nên khoảng cách đáng kể trong quan hệ giữa Nhật Bản và Đông Á.

2. Vấn đề tranh chấp lãnh thổ

Việc tranh chấp lãnh thổ giữa các nước láng giềng không phải là câu chuyện mới lạ trên thế giới. Tuy nhiên, ở Đông Á, vấn

đề này đã và đang có xu hướng ngày càng gay gắt không chỉ xuất phát từ lợi ích quốc gia mà còn có liên quan mật thiết đến những diễn biến lịch sử trước đây, tạo ra nhiều sóng gió cho chính trường khu vực.

Thứ nhất, cuộc tranh chấp quần đảo Điếu Ngư (theo cách gọi của người Trung Quốc) hay Senkaku (theo cách gọi của người Nhật) giữa Trung Quốc và Nhật Bản vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc mà dường như ngày càng thêm gay gắt, góp phần đem lại giá lạnh trong quan hệ Nhật - Trung. Vùng lãnh thổ tranh chấp này thực chất chỉ là một dãy đảo hoang nhưng được xác định là vùng biển có trữ lượng dầu khí lớn. Phía Nhật Bản kiên trì lập trường rằng "đường trung tuyến" phải phân định ranh giới giữa các đặc khu kinh tế của hai nước, coi Senkaku là dãy đảo thuộc Okinawa - một tỉnh của Nhật Bản do Mỹ chiếm đóng từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai và đã trả lại thông qua Hiệp ước kí kết năm 1972. Phía Trung Quốc lại cho rằng dãy đảo này nằm trên thêm lục địa kéo dài từ lục địa của Trung Quốc đồng thời thuộc chủ quyền của Đài Loan trước kia, do đó nó thuộc lãnh thổ cố hữu của Trung Quốc... Trong thời kì quan hệ Nhật - Trung đang ở "tuần trăng mật" của quá trình bình thường hoá, năm 1978, chính phủ hai nước đã nhất trí tạm gác tranh chấp, để dành vấn đề giải quyết chủ quyền vùng lãnh thổ này cho các thế hệ sau. Và hiện nay, khi nhu cầu năng lượng đang ngày càng trở nên thiết yếu đối với sự phát triển của cả Trung Quốc và Nhật Bản thì vấn đề chủ quyền lãnh hải không thể nằm yên được nữa mà lại tiếp tục được đặt ra. Trung Quốc công bố lãnh hải 200 hải lí của mình, trong đó đưa cả quần đảo Senkaku vào lãnh thổ Trung Quốc. Không

những thế, thông qua việc tranh chấp này, một lần nữa, quá khứ xâm lược của quân đội Nhật Bản lại được nhắc tới, gây nên những làn sóng tâm lí đối nghịch nhau trong dư luận hai nước Trung, Nhật. Do đó, mặc dù hai nước cũng đã có những nỗ lực và hứa hẹn "gác lại tranh chấp, cùng nhau khai thác" nhưng xem ra việc tranh chấp này sẽ vẫn tiếp tục tồn tại như một nghi án lịch sử, chứa đựng nguy cơ công phá của một trái bom nổ chậm lớn đối với quan hệ Nhật - Trung hiện tại và trong thời gian sắp tới.

Cuộc tranh chấp lãnh thổ đáng nói *thứ hai* là cuộc tranh chấp giữa Nhật Bản và Hàn Quốc xung quanh quần đảo Takeshima (cách gọi của Nhật Bản) hay Dokdo (cách gọi của Hàn Quốc). Quần đảo này nằm trên biển Nhật Bản (hay còn gọi là biển Đông của người Triều Tiên) giữa hai nước Nhật Bản và Hàn Quốc nhưng gần hơn về phía Hàn Quốc, nơi đây có nguồn cá phong phú và một trữ lượng khí hydrát (một phần khí tự nhiên đóng băng) khá lớn. Trong khi soạn thảo Hiệp định hoà bình San Francisco năm 1951, người Mỹ đã để khoảng trống đối với vấn đề quần đảo Takeshima-Dokdo và không thể nêu rõ sẽ trao quần đảo cho Nhật Bản hay Hàn Quốc - hai nước đều là đồng minh thân cận của Mỹ. Hiện nay, quần đảo này đang do phía Hàn Quốc kiểm soát nhưng cả Nhật và Hàn đều tuyên bố chủ quyền. Hai nước Nhật Bản, Hàn Quốc đều đưa ra những luận cứ lịch sử tin cậy để chứng minh cho chủ quyền của mình. Cũng nhân dịp này, Hàn Quốc đã nêu lên việc Nhật Bản sáp nhập quần đảo này vào tỉnh Shimane vào năm 1905 chính là hành động thôn tính và là bước đi đầu tiên của Nhật Bản trong quá trình tiến tới xâm

lược toàn bộ bán đảo Triều Tiên... Phía Seoul cho rằng việc tuyên bố chủ quyền của Tokyo đối với quần đảo Dokdo không chỉ đơn thuần là cuộc tranh chấp lãnh thổ bình thường mà là nỗ lực của Nhật Bản nhằm phủ nhận quá khứ thực dân của mình. Cũng giống như việc tranh chấp quần đảo Điếu Ngư giữa Nhật Bản và Trung Quốc, việc tranh chấp này giữa Nhật Bản và Hàn Quốc cũng có cội nguồn phức tạp từ quá khứ, liên quan đến thời kỳ Nhật Bản bành trướng, xâm lược ở châu Á - Thái Bình Dương. Và cũng vì được gắn liền giữa những vấn đề hiện đại (nhu cầu phát triển kinh tế, ý đồ chính trị) và vấn đề lịch sử, vấn đề tranh chấp lãnh thổ ở Đông Bắc Á vốn cũng là một nghi án từ lâu chưa được giải quyết, ngày càng trở nên phức tạp, khó giải quyết triệt để.

Có thể nói rằng bản thân những tranh chấp lãnh thổ giữa các quốc gia Đông Á chính là những "nghi án lịch sử" vì đã xuất hiện cách đây khá lâu, song chưa được giải quyết. Ngày nay, việc tranh chấp này được gắn vào các vấn đề lịch sử nổi cộm cùng với những lợi ích kinh tế, chính trị hiện đại khiến cho nó càng trở nên phức tạp, khó giải quyết nhanh chóng và triệt để.

Như vậy, so với các khu vực khác trên thế giới, những vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ giữa các nước Đông Á là hết sức bộn bề, phức tạp. Chúng không chỉ có tác động lớn đến mối quan hệ giữa các quốc gia Đông Á mà còn tạo ra ảnh hưởng vô cùng sâu sắc đối với toàn bộ tiến trình hội nhập Đông Á nói chung.

Tóm lại, những vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ giữa các nước Đông Á đã và đang ngày càng trở nên phức tạp hơn, nhất là khi chúng đang được đan xen với những

vấn đề hiện tại. Tác động, ảnh hưởng to lớn của chúng cũng đã được người ta nhận thức hết sức rõ ràng, đầy đủ. Nhưng triển vọng giải quyết ổn thoả những vấn đề này vẫn là một điều chưa thể dễ dàng khẳng định. Và do đó, chắc chắn tiến trình hội nhập Đông Á dù đã khởi động nhưng muốn có kết quả thiết thực, to lớn thì sẽ vẫn còn phải đòi hỏi thêm rất nhiều thời gian, công sức và nhiệt tình của tất cả các quốc gia Đông Á./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thanh Bình. *Quan hệ Nhật - Trung từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội 2004.
2. Phạm Giảng. *Lịch sử quan hệ quốc tế (từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến năm 1954)*. Nxb Sử học. Hà Nội 1962.
3. Nguyễn Xuân Thắng (chủ biên). *Sự điều chỉnh chiến lược hợp tác khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong bối cảnh quốc tế mới*. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội 2004.
4. Thông tấn xã Việt Nam. *Các vấn đề quốc tế*. Số Tháng năm - Tháng sáu 2001, tháng chín - tháng mười 2001; tháng Giêng - 2002, tháng chín 2002; tháng 2 - 2006, tháng 6 - 2006.
5. Thông tấn xã Việt Nam. *Kinh tế quốc tế tham khảo*. Số 8, 17 + 18, 20. Năm 2006
6. Thông tấn xã Việt Nam. *Tài liệu tham khảo số 10/1996: Lại bàn về châu Á - Thái Bình Dương*.
7. Thông tấn xã Việt Nam. *Tài liệu tham khảo đặc biệt*. Số 305 (năm 2005); số 1, 5, 7, 9, 10, 17, 22, 39, 40, 43, 46, 50, 58, 63, 70, 85, 88, 89, 90, 97, 115, 117, 118, 129, 130, 133, 139, 158, 171, 175 (năm 2006).
8. Thông tấn xã Việt Nam. *Tin tham khảo chủ nhật*. Số 6 (năm 2001); số 4, 14, 17, 24, 26 (năm 2006).